TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2017/LHPT
Ngày: 21/9/2017
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
  Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quế.
  Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm và bà Đỗ Anh Dân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng-thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2017/DSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/QĐPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm 1983;

2. Bị đơn: Anh N, sinh năm 1981;

Đều trú tại: Số nhà A, tổ B, phường C, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm **nguyên đơn** chị H trình bày:

Chị và anh N kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái nguyên. Quá trình chung sống có 02 con chung là HN1, sinh ngày 08/7/2009 và HN2, sinh ngày 29/9/2011. Năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, nuôi dạy con, bản thân anh N nghiện rượu nên thường xuyên cãi chửi nhau,

hiện nay đã sống ly thân. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị đề nghị được nuôi 02 con chung HN1 sinh ngày 08/7/2009 và HN2, sinh ngày 29/9/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang làm việc tại trường D tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng không xác định thời hạn. Mức thu nhập của chị hàng tháng bình quân là 7.329.460đ/tháng. Thời gian làm việc theo giờ hành chính nên có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc, giáo dục con cái.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh N trình bày**:** Anh công nhận lời khai của chị H về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H trình bày. Theo anh, nguyên nhân dẫn đến việc chị H đề nghị ly hôn là do anh chị không hợp nhau trong cách sống, nuôi dạy con cái, có những lúc say rượu do không kìm chế được tính nóng nảy nên hai vợ chồng cãi vã có lúc đánh chửi nhau. Tại phiên tòa anh xác định vẫn còn tình cảm với vợ, con nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị H nhất quyết ly hôn thì đó là quan điểm đơn phương của chị H

Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung là HN1, sinh ngày 08/7/2009 và HN2, sinh ngày 29/9/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngôi nhà anh, chị đang ở hiện nay thuộc sở hữu chung của vợ chồng anh, nếu chị H nuôi con anh có thể đến ở tập thể của công ty anh làm việc và để ngôi nhà trên cho ba mẹ con sinh sống để đảm bảo điều kiện về sinh hoạt cũng như học tập cho các cháu.

Tại bản tự khai đề ngày 27/06/2017 của cháu HN1 trình bày: Cháu hiện đang theo học tại trường tiểu học C, thành phố TN, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Trong quá trình xét xử anh N tự ý bỏ về, không rõ lý do nên không tham gia tranh tụng.

Với nội dung nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố TN đã xét xử và quyết định:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Qốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn với anh N.

2. Về con chung**:** Giao hai cháu HN1, sinh ngày 08/7/2009 và cháu HN2 sinh ngày 29/9/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết vì chị H không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004876 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2017 anh N có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí để chị H nuôi hai con, anh đề nghị được nuôi một trong hai con và đề nghị được ở lại căn nhà cho tới khi con anh đủ 18 tuổi thì anh sẽ chuyển nhượng lại cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh N thay đổi nội dung đã kháng cáo. Cụ thể anh kháng cáo xin được nuôi con trai là cháu HN2, sinh ngày 29/9/2011 và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H cũng đồng ý để anh N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu HN2 và chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu HN1 và không đặt vấn đề cấp dưỡng cho nhau.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về kháng cáo của anh N muốn được trực tiếp nuôi cháu HN2 thấy rằng: Việc chị H, anh N ai cũng muốn nuôi con, đó đều là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên phải xem xét một cách khách quan, toàn diện từ điều kiện sống đến tâm sinh lý và cả quá trình chăm sóc, nuôi dạy con chung. Nếu bên nào có điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho các cháu thì cần giao con cho một bên chăm sóc nuôi dưỡng mới phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm anh N đã tự ý bỏ về, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm

giao hai con chung là cháu HN1, sinh ngày 08/7/2009 và cháu HN2 sinh ngày 29/9/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh N và chị H đã tự thỏa thuận được việc nuôi con chung đó là chị H nuôi con lớn HN1, anh N nuôi con nhỏ HN2, không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào. Xét thấy chị H anh N đều có nơi ở, việc làm thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dạy các cháu, vì vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại cấp phúc thẩm.

[2.] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của anh N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 147 và 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần bản sơ thẩm số: 31/2017/DSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên về phần nuôi con chung. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Cho chị H được ly hôn với anh N.

2.Về con chung: Giao cháu HN1, sinh ngày 08/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu HN1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu HN2, sinh ngày 29/9/2011 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu HN2 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự, vì các đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không giải quyết vì các đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0004876

ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN. Anh N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí án phí phúc thẩm. Xác nhận anh N đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0005443 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố TN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quế